

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2020/ HNGĐ- ST

Ngày: 03/11/2020

V/v: "**Li hôn**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Ngọc Lâm**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Xuân Hùng**

Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Oanh**- Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa: **Bà Đặng Hiền Dung**- Kiểm sát viên.

Ngày 03/11/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/8/2020 về việc "Li hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

***Bị đơn:** Anh Vũ Văn S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn V, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Cháu: Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014 (Vắng mặt)

***Đại diện theo pháp luật của cháu H:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị D tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã M ngày 15/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh S mãi chơi không chịu làm ăn, không quan tâm tới chị và con, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi, chửi nhau. Kể từ năm 2017, chị bỏ về gia đình bố, mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống li thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ đó cho đến nay. Anh S cũng bỏ nhà đi từ năm 2017 và đến nay không có tin tức gì, hiện anh S không có mặt tại địa phương. Giữa chị và anh S không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được li hôn anh Suốt.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị

không có thai. Chị xác định đang làm công nhân thu nhập 6.000.000đ/tháng và đang ở tại nhà đất của bố mẹ chị ở tổ dân phố T, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ, ruộng nông nghiệp: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ. Chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh S đã đi khỏi địa phương từ năm 2017 cho đến nay không có tin tức gì. Chị D đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hòa thụ lý việc dân sự tuyên bố anh S mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2020/QĐST-VDS ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã M đã ra Quyết định tuyên bố anh Vũ Văn S mất tích. Do vậy Tòa án nhân dân thị xã M không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ chị D) trình bày: Chị D và anh S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã M năm 2014. Tuy nhiên, kể từ năm 2017 đến nay anh, chị không còn ở chung với nhau và không quan tâm tới nhau nữa. Nay chị D làm đơn xin li hôn anh S, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được li hôn.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014. Hiện cháu H đang ở cùng chị D và bà. Nếu vợ chồng li hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, bà sẽ có hỗ trợ phần nào về chỗ ăn, ở. Bà cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi, tốt nhất cho chị D về chỗ ăn ở, nuôi con và bà cũng cùng chị D chăm sóc cháu H.

Bà xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị D, anh S về kinh tế, bà không cho anh, chị vay cũng như anh, chị không cho bà vay nợ gì.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ anh S) trình bày: Bà xác định con trai bà là anh Vũ Văn S bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay không có mặt tại địa phương, không về nhà. Bà không biết hiện nay anh S đang ở đâu? làm gì? Anh S cũng không liên hệ gì với bà và gia đình. Do anh S không có nhà, bà không biết tin tức gì của anh S nên bà từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh S. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xin li hôn của chị D đối với anh S, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

* Xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị được địa phương cung cấp: Chị D, anh S là vợ chồng đã được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Hiện anh, chị đăng ký hộ khẩu tại thôn V, xã H, thị xã M. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh S xác định anh S đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2017 cho đến nay không có tin tức gì, hiện anh S không có mặt tại địa phương. Do anh S và gia đình không thông báo nên địa phương không biết hiện anh S ở đâu? làm gì?.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014. Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Địa phương không nắm được.

Ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hòa tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa chị D có đơn xin hoãn phiên tòa, còn anh S vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được mở lại vào ngày 03/11/2020.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị D xác định hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH công nghiệp Brother Việt Nam thu nhập 7.300.000 đồng/tháng. Chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được li hôn anh S. Giao cháu H cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ghi nhận tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn S là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc li hôn. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2020/QĐST - VDS ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã M đã tuyên bố anh Vũ Văn S mất tích từ năm 2017. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các hoạt động tố tụng, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 14/10/2020 do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được mở vào ngày hôm nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị D có đơn đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh S được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Nội dung lời trình bày của chị D và những người làm chứng, các tài liệu chứng cứ thu thập được đã phù hợp với nội dung xác minh tại UBND xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, nên có đủ căn cứ xác định chị D, anh S kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phong ngày 15/01/2014. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công

nhận, việc chị D khởi kiện li hôn đối với anh S sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục li hôn.

* Về quan hệ vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị D, anh S xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống dẫn đến năm 2017 chị D đã bỏ gia đình anh S về gia đình bố, mẹ đẻ sinh sống. Sau khi chị D về gia đình bố, mẹ đẻ sinh sống thì anh S cũng bỏ đi cho đến nay không về địa phương, không liên lạc gì với gia đình, gia đình và địa phương đều không biết anh S hiện đang ở đâu? làm gì?.Anh, chị sống li thân nhau từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, không liên lạc thăm hỏi, động viên nhau. Như vậy thể hiện anh, chị sống li thân nhau đã quá dài, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, sự thương yêu, gắn bó vợ chồng không còn nữa. Quá trình giải quyết vụ án do anh S không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được. Tại các buổi làm việc với Tòa án chị D đều giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được, chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được li hôn anh S để chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị D được li hôn với anh Suốt.

* Về con chung: Chị D, anh S có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014, hiện cháu đang ở cùng chị D. Nếu li hôn chị D có quan điểm xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị. Xét yêu cầu của chị D, hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay anh S đã đi khỏi địa phương, gia đình và địa phương không biết anh S hiện đang ở đâu? làm gì? nên anh không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung được. Chị D hiện có nơi ở và thu nhập ổn định, bản thân cháu H ở cùng chị D từ nhỏ cho đến nay. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định và tránh sự sáo trộn trong sinh hoạt của cháu cần giao cháu cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị, anh S được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

* Về tài sản, công nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án chị D đều xác định không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ. Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau này anh S có yêu cầu về thay đổi nuôi con chung; tài sản chung, công nợ; công sức, ruộng canh tác có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

* Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1,2 điều 56; điều 57; khoản 1 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83; điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng

khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được li hôn anh Vũ Văn S.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 29/10/2014 cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Chị D, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Sau này anh S có yêu cầu về thay đổi nuôi con chung; tài sản chung, công nợ; công sức, ruộng canh tác có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Án phí: Buộc chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm li hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí li hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004281 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Dương sự;
- UBND phường H.
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Ngọc Lâm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 03 tháng 11 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

*Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng

Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/8/2020 về việc “Li hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Duyên, sinh năm 1993 (vắng mặt)

***Bị đơn:** Anh Vũ Văn Suốt, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Vân Dương, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Cháu: Vũ Thị Khánh Huyền, sinh ngày 29/10/2014 (Vắng mặt)

***Đại diện theo pháp luật của cháu Huyền:** Chị Vũ Thị Duyên, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vân Dương, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1,2 điều 56; điều 57; khoản 1 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83; điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

2/Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị D được li hôn anh Vũ Văn Suốt.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

3/Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh Huyền, sinh ngày 29/10/2014 cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Chị Duyên, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

4/Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Sau này anh S có yêu cầu về thay đổi nuôi con chung; tài sản chung, công nợ; công sức, ruộng canh tác có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Không đặt ra giải quyết.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

5/ Án phí: Buộc chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm li hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí li hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004281 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

6/Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 03 tháng 11 năm 2020.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Hùng Vũ Thị Diệu Thúy

Trần Ngọc Lâm